

## DAO ĐỘNG GIẺNG CO

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	Do tính chất thị trường phân hóa mạnh giữa các nhóm cổ phiếu, các hoạt động mua trading T+ vẫn có thể xem xét thực hiện khi thị trường xuất hiện các nhịp rung lắc.
<b>BÁN</b>	Nhà đầu tư có thể xem xét tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn, nhất là các nhóm cổ phiếu tăng mạnh như xây dựng, khoáng sản, cao su,...

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

**MUA**

PC1

↑ 10,04%

VND26.300

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm phiên thứ 4 liên tiếp khi nhà đầu tư cân nhắc những lo ngại về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index kết phiên với nến dạng Spinning top thể hiện sự lưỡng lự của thị trường tại khu vực 1.310 điểm. Nếu lực cầu và nhóm blue-chips duy trì được sự đồng thuận thì kỳ vọng chỉ số chung sẽ vượt qua rung lắc thành công và tiếp tục tiến về mốc 1.316-1.320 điểm. Nhà đầu tư vẫn có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh, rung lắc của thị trường và các nhóm cổ phiếu để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu có sẵn trong danh mục. Tập trung ở các nhóm cổ phiếu có câu chuyện như đầu tư công, khu công nghiệp, dầu khí, bank, chứng khoán,...

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	43.621,16	0,37	2,53
S&P 500	5.955,25	-0,47	1,25
Nasdaq	19.026,39	-1,35	-1,47
VIX	19,43	2,37	11,99
DAX	22.410,27	-0,07	12,56
FTSE 100	8.668,67	0,11	6,06
CAC40	8.051,07	-0,49	9,08
Hang Seng	23.034,02	-1,32	14,83

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	70,20	BUY
MACD (12,26)	11,57	BUY
ADX (14)	24,99	BUY
SMA5	1.297,20	BUY
SMA20	1.274,16	BUY
SMA50	1.263,49	BUY
SMA100	1.260,61	BUY
SMA200	1.262,69	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường Mỹ giảm 4 phiên liền do lo ngại về kinh tế và thương mại toàn cầu. Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/02, chỉ số S&P 500 lùi 0.47% xuống 5,955.25 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite mất 1.35% còn 19,026.39 điểm. Tác động giảm diễn ra ngay sau cuộc khảo sát niềm tin người tiêu dùng gần đây nhất của Conference Board cho kết quả thấp hơn nhiều so với dự báo của các chuyên gia kinh tế. Nhà đầu tư đã chuyển sang thị trường trái phiếu Mỹ để tìm kiếm an toàn. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm đã rút mồi 4.3% và chạm mức thấp nhất kể từ tháng 12/2024.
- Xuất khẩu thép trong tháng 1 giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu thép thành phẩm giảm gần 42% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 476.045 tấn. Tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu bán hàng giảm từ 27% của cả năm 2024 xuống 19%.
- **STB:** Theo Sacombank, ngày đăng ký cuối cùng để cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2024 là ngày 10/3. ĐHĐCĐ dự kiến được tổ chức vào lúc 7h30 ngày 25/4 tại Trung tâm Hội nghị White Palace, địa chỉ 194 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM.
- **MWG:** Theo số liệu trên website Bách Hóa Xanh – chuỗi siêu thị thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động, tính tới ngày 25/2/2025, toàn chuỗi siêu thị này ghi nhận 1.855 cửa hàng. So với con số vào thời điểm cuối năm 2024, quy mô Bách Hóa Xanh đã tăng tới 85 điểm bán, phình to nhanh chóng chỉ sau khoảng 2 tháng đầu năm.
- **OCB:** Ngân hàng TMCP Phương Đông vừa cập nhật thông tin cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên. Theo đó, Portal Global Limited không còn là cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ tại ngân hàng khi giảm tỷ lệ nắm giữ từ 3,026% xuống 0,873%, hiện sở hữu hơn 21,5 triệu cổ phiếu OCB.
- **DRI:** Ông Bùi Quang Ninh, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm ủy viên HĐQT độc lập đăng ký bán toàn bộ 150.000 cổ phiếu DRI để giảm sở hữu từ 0,2% về 0% vốn điều lệ, giao dịch dự kiến thực hiện từ ngày 25/2 đến ngày 20/3.
- **CTG:** VietinBank đề ra mục tiêu năm 2025 tăng trưởng tổng tài sản 5-10%. Dự nợ tín dụng tăng trưởng theo phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước. Nguồn vốn huy động phù hợp với tốc độ tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1,8%. Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ cũng sẽ theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2,925,16	0,35	11,46
Dầu Brent	69,06	0,19	-3,71
Dầu WTI	73,13	0,15	-2,02
Than	102,00	-0,24	-18,56
Đồng	9,401,50	-0,98	7,23
Quặng sắt	106,61	-1,47	1,70
Thép	462,50	-0,86	-2,79

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	106,235	-0,07	-2,08
USD/JPY	148,76	0,18	5,67
USD/CNY	7,251	-0,06	0,67
EUR/USD	1,0523	0,09	1,63
GBP/USD	1,2673	0,06	1,25

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,75%	19/03/2025	-0,25
ECB	2,90%	06/03/2025	-0,50
BOE	4,75%	06/02/2025	-0,25
BOJ	0,50%	19/03/2025	0,25
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	865,36	27.500	-0,72
FPT	945,36	139.000	-1,07
MWG	459,34	58.300	-0,17
TCB	384,39	26.400	-0,38
STB	242,15	39.250	-0,38

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	517.549,85	92.600	-0,96
BID	284.522,50	41.250	0,36
CTG	224.734,15	41.850	-0,12
FPT	204.478,62	139.000	-1,07
TCB	186.512,09	26.400	-0,38

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# PC1

**Khuyến nghị**
**Giá hiện tại**
**Giá mục tiêu**
**Tiềm năng tăng giá**
**Vùng giải ngân**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**MUA**
**24.050**
**26.300**
**10,04%**
**23.500-23.900**
**<22.700**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế cả năm, doanh thu thuần của PC1 đạt 10.078 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 704 tỷ đồng, tăng lần lượt 31% và 287% so với cùng kỳ. Năm 2024, PC1 đạt mục tiêu doanh thu 10.822 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 525 tỷ đồng. Như vậy doanh nghiệp đã hoàn thành lần lượt 93% và 134% kế hoạch cả năm.
- Động lực tăng trưởng của Tập đoàn PC1 trong năm 2025 dự kiến chủ yếu từ lĩnh vực bất động sản công nghiệp, thương mại, xây lắp...

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Cổ phiếu PC1 đang duy trì xu hướng tăng ngắn hạn, vùng cản gần 24.100 đồng (MA200 ngày). Các chỉ báo kỹ thuật và dòng tiền đang cải thiện khá tốt. Do đó, nhà đầu tư có thể canh các nhịp điều chỉnh để giải ngân đối với PC1, vùng mua dự kiến quanh ngưỡng 23.500-23.900 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
<b>DTT (tỷ đ)</b>	7.775	10.078	2.540
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	389	829	161
<b>LNST (tỷ đ)</b>	303	704	126
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	150	140	140
<b>ROE (%)</b>	2,47	7,82	7,82
<b>ROA (%)</b>	0,67	2,24	2,24
<b>EPS (VNĐ)</b>	352	1.158	1158,34
<b>P/E (lần)</b>	71,1	19,8	20,76
<b>P/B (lần)</b>	1,76	1,49	1,56

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>SELL</b>

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
<b>RSI (14)</b>	<b>62,59</b>	<b>BUY</b>
<b>MACD (12,26)</b>	<b>0,32</b>	<b>BUY</b>
<b>ADX (14)</b>	<b>36,27</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA5</b>	<b>23.910</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA20</b>	<b>23.490</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA50</b>	<b>22.920</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA100</b>	<b>23.170</b>	<b>BUY</b>
<b>SMA200</b>	<b>24.140</b>	<b>SELL</b>

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	VPB	Theo dõi	18,5-19			21,2	18			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	VCI	Nắm giữ	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32			7,13%
2	BID	Mua	38,6-39,6	6/2/2025	39,6	43,2	37,3			4,17%
3	POW	Nắm giữ	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13	11,2			3,81%
4	KBC	Nắm giữ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	32	27,6			1,37%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	HAH	Chốt lời	41-42,5	4/11/2024	42,5	46,3	40	8/11/2024	46,3	8,94%
2	HCM	Chốt lời	26-27	19/11/2024	27	29,8	25,7	6/12/2024	29,8	10,37%
3	ANV	Chốt lời	17,8-18,1	27/11/2024	18	19,5	17,3	6/12/2024	20,5	13,89%
4	STB	Chốt lời	30,5-31,5	20/11/2024	31,5	34,5	30	18/12/2024	34,2	9,52%
5	VCI	Cơ cấu	32-33,5	26/11/2024	33,5	36,2	31,4	7/1/2025	32,5	-2,99%
6	SSI	Cơ cấu	25,5-26	19/12/2024	25,8	28,6	24,8	7/1/2025	25,35	-1,74%
7	PVD	Cắt lỗ	23,3-23,6	13/12/2024	23,3	26	22,4	7/1/2025	22,4	-3,86%
8	DPM	Cắt lỗ	34-35,5	25/11/2024	35,2	38	33	10/1/2025	33,5	-4,83%
9	HPG	Cắt lỗ	26-26,5	5/12/2024	26,5	29	25,2	10/1/2025	25,55	-3,58%
10	VPB	Cắt lỗ	18,8-19	17/12/2024	19	20,5	17,9	10/1/2025	18,5	-2,63%
11	TCB	Cắt lỗ	23,5-23,9	19/12/2024	23,8	26,3	22,7	10/1/2025	23,4	-1,68%
12	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
13	HHV	Chốt lời	10,8-11,4	10/1/2024	11,4	12,8	10,5	17/1/2025	12,8	12,28%
14	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
15	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍👍 2

Khuyến nghị 10/1/2024

Mã CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Đỉnh 14	-(-12%)
Chốt lời 1:(90%)	18-19	-13%-18%
Chốt lời 2:(90%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
	(Có thể DCA về 61-62)	
Cắt lỗ	Đỉnh 59	-(-5%)
Chốt lời 1:(90%)	72-75	-12%-14%
Chốt lời 2:(90%)	Nằm giờ	
Mã CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	-(-4%)
Chốt lời 1:(90%)	23-24	-7%-12%
Chốt lời 2:(90%)	25.5-26	-13%-24%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị. ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

bởi Thanh Đình

@giblab.vn

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	🕶️ 99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (lợi/kiến)	+479,500,200 đ (4.15%)

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)